

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

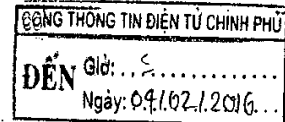
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/LQĐ - TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 09/TTr-LĐTBXH ngày 28 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” cho 102 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và 10 tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Phước, Hà Giang, Hà Tĩnh, Hòa Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, Tiền Giang, Thừa Thiên Huế (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

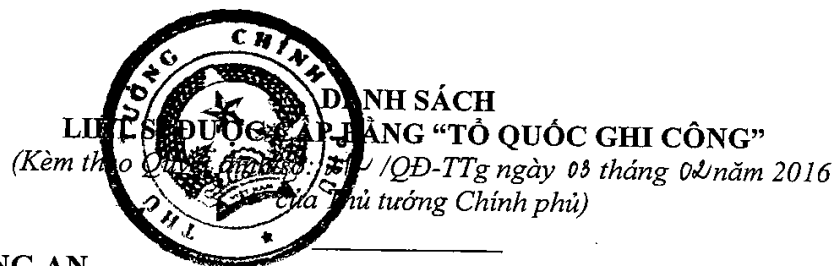
Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 10 b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc



BỘ CÔNG AN

1. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đồng

Tiểu đội trưởng Công an nhân dân, nguyên quán: xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1968.

BỘ QUỐC PHÒNG

2. Liệt sĩ: Rơ Mah Phuih

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã IaKrai, huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 01 năm 2013.

3. Liệt sĩ: Lê Huỳnh Sơn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, trú quán: xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 9 năm 2013.

4. Liệt sĩ: Ngô Anh Tài

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kỳ Phú, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 9 năm 2013.

5. Liệt sĩ: Huỳnh Tấn Ba

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 8 năm 2015.

6. Liệt sĩ: Triệu Mạnh Tường

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 5 năm 2015.

TỈNH BẮC GIANG

7. Liệt sĩ: Đặng Văn Định*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Định, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969.

8. Liệt sĩ: Hoàng Kim Sơn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thăng Long, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1966.

9. Liệt sĩ: Ngọc Văn Hứng*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1973.

10. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Thu*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1968.

11. Liệt sĩ: Vũ Văn Dóm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1967.

12. Liệt sĩ: Phạm Văn Nguyễn*

Thương binh $\frac{1}{4}$, nguyên quán: xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 7 năm 1986.

TỈNH BẮC NINH

13. Liệt sĩ: Lưu Quang Đản

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 6 năm 2015.

TỈNH BÌNH PHƯỚC

14. Liệt sĩ: Cao Xuân Sang*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1982.

15. Liệt sĩ: Huỳnh Tấn*

Cán bộ phòng lương thực huyện, nguyên quán: xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1968.

16. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Toán*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1973.

17. Liệt sĩ: Hoàng Ngọc Minh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967.

18. Liệt sĩ: Đồng Xuân Dong*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05/01/1973.

TỈNH HÀ GIANG

19. Liệt sĩ: Đặng Văn Còm

Cán bộ hoạt động cách mạng, nguyên quán: xã Yên Hà, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 5 năm 1946.

TỈNH HÀ TĨNH

20. Liệt sĩ: Nguyễn Hải Lý*

Dân công, nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 04 năm 1972.

21. Liệt sĩ: Ngô Đức Tịnh*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1967.

22. Liệt sĩ: Phan Đắc Đăng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 01 năm 1985.

23. Liệt sĩ: Trần Xuân Tín*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Bồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1968.

24. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Nhâm*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Bồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1968.

25. Liệt sĩ: Trần Văn Thành*

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Thạch Môn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 11 năm 1966.

26. Liệt sĩ: Hoàng Trọng Bá*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạch Tượng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 9 năm 1972.

27. Liệt sĩ: Phạm Văn Tri*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạch Thượng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1966.

28. Liệt sĩ: Lê Trọng Điệp*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Khắc Minh*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Long, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 02 năm 1967.

30. Liệt sĩ: Trần Thị Hoan*

Công nhân, nguyên quán: xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1966.

31. Liệt sĩ: Đặng Xuân Thành*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1967.

32. Liệt sĩ: Phạm Văn Dương*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 8 năm 1970.

33. Liệt sĩ: Nguyễn Phi Khanh*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969.

34. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Đính*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Tiến, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 6 năm 1978.

35. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Thu*

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1980.

36. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sự*

Tiểu đội phó dân quân, nguyên quán: xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972.

37. Liệt sĩ: Đậu Văn Hạp*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1972.

38. Liệt sĩ: Đặng Đình Ngụ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạch Lựu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1977.

39. Liệt sĩ: Trần Đình Khoa*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1966.

40. Liệt sĩ: Trần Văn Liêm*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1968.

41. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Châu*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1966.

42. Liệt sĩ: Phan Ngọc Côn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1966.

43. Liệt sĩ: Lê Quang Lộc*

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1969.

44. Liệt sĩ: Trần Duy Minh*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1972.

45. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Trường*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Nam, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1968.

46. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Vinh*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Nam, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971.

47. Liệt sĩ: Trần Văn Luận*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 02 năm 1976.

48. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Xá*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1972.

49. Liệt sĩ: Trần Thị Vinh*

Kế toán, nguyên quán: xã Cẩm Tiên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1972.

50. Liệt sĩ: Phạm Tràng*

Tổ trưởng Đảng, nguyên quán: xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972.

51. Liệt sĩ: Đặng Văn Thanh*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1969.

52. Liệt sĩ: Nguyễn Trọng Thanh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1989.

53. Liệt sĩ: Bùi Quang Ngọ*

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Tiên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 11 năm 1965.

54. Liệt sĩ: Trần Đình Tám*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hương Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1972.

55. Liệt sĩ: Lê Văn Khang*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hương Trà, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 9 năm 1967.

56. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Cứ*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1967.

57. Liệt sĩ: Hồ Sỹ Bình*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Trung, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1965.

58. Liệt sĩ: Hồ Minh Tâm*

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1969.

59. Liệt sĩ: Phạm Duy Hồng*

Kỹ sư điện, nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1968.

60. Liệt sĩ: Phan Thanh Huyền*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hương Minh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1972.

61. Liệt sĩ: Võ Bảng*

Trung đội trưởng dân quân, nguyên quán: xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965.

62. Liệt sĩ: Bùi Văn Tự*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1970.

63. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Minh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thuận Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1969.

64. Liệt sĩ: Đoàn Thị Thanh*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Đức Thuận, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1969.

65. Liệt sĩ: Hồ Sỹ Sơn*

Dân công tiền tuyến chiến trường Lào, nguyên quán: xã Hương Phú, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969.

TỈNH HÒA BÌNH

66. Liệt sĩ: Đinh Công Huy

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 2014.

67. Liệt sĩ: Bùi Văn Tiết

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 9 năm 2014.

TỈNH QUẢNG BÌNH

68. Liệt sĩ: Nguyễn Phú Nguyên*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 9 năm 1955.

69. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Minh*

Dân công quốc phòng, nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 8 năm 1967.

70. Liệt sĩ: Hồ Ái Phi*

Thương binh $\frac{2}{4}$, nguyên quán: xã Hải Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 12 năm 1979.

71. Liệt sĩ: Lưu Đình Khôi*

Dân công quốc phòng, nguyên quán: xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1967.

72. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Sơn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1979.

73. Liệt sĩ: Hoàng Đức Thặng*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoàn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1974.

74. Liệt sĩ: Nguyễn Quốc Việt*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoàn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1968.

75. Liệt sĩ: Nguyễn Quý Ly*

Cán bộ vật tư, nguyên quán: xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1968.

76. Liệt sĩ: Lê Văn Lai*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1967.

77. Liệt sĩ: Trần Mạnh Tiến*

Công nhân Hạt giao thông, nguyên quán: xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 8 năm 1967.

78. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Kim Liên*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1974.

TỈNH QUẢNG TRỊ

79. Liệt sĩ: Vương Út

Đội trưởng dân quân tự vệ, nguyên quán: xã Hải Thành, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1947.

80. Liệt sĩ: Trần Phúc Thơm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hải Ba, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1953.

81. Liệt sĩ: Lê Duy Sự

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: nông trường Yên Mỹ, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 12 năm 2014.

82. Liệt sĩ: Trần Sừu*

Thượng sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 08 năm 1969.

83. Liệt sĩ: Nguyễn Cam*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1971.

84. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Hanh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1968.

85. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tín*

Xã viên Hợp tác xã, nguyên quán: xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1967.

86. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Liễu*

Xã viên Hợp tác xã, nguyên quán: xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1967.

87. Liệt sĩ: Phạm Xin*

Đảng viên (Tổ trưởng Đảng), nguyên quán: xã Gio Thành, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1966.

88. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Thông*

Cơ sở Cách mạng, nguyên quán: xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969.

89. Liệt sĩ: Đoàn Thị Nga*

Hạ sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1968.

TỈNH TIỀN GIANG

90. Liệt sĩ: Lê Văn Ngưu (Ba Cò)

Cán bộ tổ chức Hội quân chính, nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 08 tháng 12 năm 1940.

91. Liệt sĩ: Đinh Văn Bảy

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 01 năm 2014.

92. Liệt sĩ: Lê Văn Phi (Lý Hoàng Phong)*

Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gò Công, nguyên quán: thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1964.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

93. Liệt sĩ: Ngô Diễm*

Trưởng ban quân khí Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Dương, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 10 năm 1950.

94. Liệt sĩ: Trần Thanh Dũng (Trần Phù)*

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hương Thái, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1967.

95. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nại*

Trưởng ban công an xã, nguyên quán: xã Hương Toàn, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 01 năm 1950.

96. Liệt sĩ: Phan Thìn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1953.

97. Liệt sĩ: Văn Sầm*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Lợi, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 6 năm 1953.

98. Liệt sĩ: Phan Hữu Chiêu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kỳ Hương, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1972.

99. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hoa*

Huyện đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thủy Bằng, huyện Hương Phú, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968.

100. Liệt sĩ: Đinh Như Huế*

Đội trưởng biệt động, nguyên quán: xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975.

101. Liệt sĩ: Võ Thị Chiện*

Y tá, nguyên quán: xã Phú Xuân, huyện Hương Phú, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1968.

102. Liệt sĩ: Lương Thuyền*

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968.

Ghi chú:

** Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995. Tổng số: 87/102 trường hợp.*